

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 4 - 2026

“V/v Tranh chấp ly hôn.”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, tra]nh chấp người nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2026/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1976; thường trú tại: Khu dân cư B, thôn A, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: 4 khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy H, sinh năm 1979; thường trú tại: Khu dân cư B, thôn A, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: Tổ 1, hẻm G, A đường Đ, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - ông Phạm Đình T trình bày:

Ông Phạm Đình T và bà Huỳnh Thị Thúy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã M, tỉnh Quảng Ngãi) theo giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2002, vào ngày 19/6/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay ông T và bà H đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Ông T ác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Thị Thúy H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Phạm Huỳnh Hoài N, sinh ngày 09/10/2003 và Phạm Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 02/10/2007. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Căn cước công dân ông T (bản sao); giấy kết hôn (bản chính) và giấy khai sinh (bản sao)...

Bà Huỳnh Thị Thúy H đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Đình T khởi kiện bà Huỳnh Thị Thúy H yêu cầu ly hôn, bà Huỳnh Thị Thúy H hiện đang tạm trú tại Tổ A, hẻm G, A đường D, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Huỳnh Thị Thúy H theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Huỳnh Thị Thúy H không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Huỳnh Thị Thúy H trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tổ tụng ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do không hợp về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhiều lần triệu tập bà H tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà H vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, ông T xác định ông không còn tình cảm với bà H nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Phạm Huỳnh Hoài N, sinh ngày 09/10/2003 và Phạm Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 02/10/2007. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Phạm Đình T đối với bị đơn - bà Huỳnh Thị Thúy H về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đình T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thúy H.

- Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Đình T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0054678 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV16 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc